

Bản án số: 154/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2025
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Dương Triết Minh và ông Phan Minh Quốc.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang: bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trịnh Thị Trà G, sinh năm 1990

Địa chỉ: khóm T, phường M, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Trương Hoài P, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà G có mặt. Bị đơn ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trịnh Thị Trà G trình bày:

Bà với ông Trương Hoài P chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng sau khi cưới cũng hạnh phúc. Lý do bà xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng về nơi ở, bà làm và sinh sống trên Thành phố Hồ Chí Minh, ông P làm ở Bình Dương. Khi bà có thai và sinh con bà có mong muốn ông P về Thành phố Hồ Chí Minh làm để gần vợ con nhưng ông P không đồng ý, từ việc này vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ngoài ra ông P cũng thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng cũng có cãi

nhau. Ông P cũng không phụ bà chăm con để một mình bà tự xoay sở. Bà với ông P đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Nay bà G yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: bà Trịnh Thị Trà G xin được ly hôn với ông Trương Hoài P.

+ Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Trương Gia Minh P sinh ngày 05/4/2020. Sau ly hôn bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Minh Phát. Không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Trương Hoài Phong: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông P đều vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà G.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các thủ tục tố tụng khác đúng theo quy định.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về xét xử vụ việc.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G. Bà G được ly hôn với ông P.

Về con chung: giao cháu Trương Gia Minh P sinh 05/4/2020 cho bà G được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Trà G xin được ly hôn ông

Trương Hoài P, yêu cầu được nuôi con chung; ông Trương Hoài P có đăng ký nơi thường trú tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

[2] Về tố tụng: bị đơn ông Trương Hoài P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Bà Trịnh Thị Trà G và ông Trương Hoài P chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là xã Đ, tỉnh An Giang); được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2019 ngày 01/02/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị Trà G, thấy: mâu thuẫn giữa bà G và ông P bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm về việc sống chung với nhau, do không giải quyết được về vấn đề nơi ở nên thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra ông P cũng ghen tuông vô cớ, không phụ bà G trong việc chăm lo con cái và kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn kéo dài, không giải quyết được nên vợ chồng đã quyết định sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Quá trình sống ly thân bà G với ông P có gặp nhau nhưng cả hai đều không muốn hàn gắn tình cảm để quay về sống chung. Thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn lại được nên bà G kiên quyết xin được ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng ông P vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà G để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà G và ông P không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

[3.3] Về quan hệ con chung: qua tài liệu, chứng cứ bà G cung cấp thì bà G và ông P có 01 con chung tên Trương Gia Minh P sinh ngày 05/4/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay bà G là người trực tiếp nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án ông P cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về tranh chấp con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Minh Phát cần tiếp tục giao cháu Minh Phát cho bà G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G không yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang là căn cứ.

[5] Về án phí: bà G là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Trà G.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trịnh Thị Trà G được ly hôn với ông Trương Hoài P.

- Về quan hệ con chung: giao con chung Trương Gia Minh P sinh ngày 05/4/2020 cho bà Trịnh Thị Trà G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Trương Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trịnh Thị Trà G và ông Trương Hoài P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: bà Trịnh Thị Trà G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006323 ngày 27/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Trịnh Thị Trà G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trương Hoài P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- UBND xã Định Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm

